

Bản án số: 22/2020/HSST

Ngày: 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 266/15 Tôn Đản, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 19/5/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 62/2016/HSST, ngày 14/03/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 26/2018/HSST; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

2. Phạm Thành V, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 756/23C Đoàn Văn Bơ, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Kim T; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 18/8/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo bản án số 93/2016/HSST; tiền sự: Ngày 14/11/2017 bị Tòa án nhân dân

Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng theo quyết định số 399/QĐ-TA; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Ngụy Đức A, sinh năm: 2001; chỗ ở hiện nay: 37/45 Trần Hưng Đạo, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thu T, sinh năm: 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1134/40 Lạc Long Quân, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

- Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm: 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 73/13 Khánh Hội, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm: 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 756/23C Đoàn Văn Bơ, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 02 giờ 45 phút ngày 06/9/2019, Trần Văn Đ gặp và rủ Phạm Thành V đi cướp giật tài sản, tài sản cướp giật được sẽ chia đôi. V đồng ý và giao xe mô tô hiệu Honda loại Vario biển kiểm soát 59M2-285.49 của V cho Đ điều khiển. Đ chở V đi tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật, khi đến trước nhà số 27 Trần Hưng Đạo, phường X, Quận Y Đ nhìn thấy ông Ngụy Đức A đang đi bộ dưới lòng đường dành cho xe mô tô, trên tay cầm điện thoại di động hiệu Oppo F1 plus màu hồng sử dụng nên Đ nói cho V biết. Đ điều khiển xe mô tô chở V chạy ngược chiều đường Trần Hưng Đạo, áp sát từ phía sau bên trái ông A để V dùng tay giật chiếc điện thoại của ông A rồi bỏ chạy. Khi chạy đến trước nhà số 39 Trần Hưng Đạo thì va chạm với xe mô tô đi ngược chiều làm Đ, V té ngã, điện thoại cướp giật được rơi xuống đường. Lúc này, ông Võ Quang T và ông Võ Quốc T thuộc tổ tuần tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh chứng kiến toàn bộ quá trình cướp giật của Đ, V nên tiến hành bắt giữ Đ cùng vật chứng giao cho Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng Phạm Thành V chạy thoát nhưng qua truy xét đã bị bắt giữ vào khoảng 12 giờ cùng ngày. Tại cơ quan điều tra, Đ và V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 321/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 plus màu hồng có giá là 1.900.000 đồng

Bản cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 16/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 và bị cáo Phạm Thành V về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do các bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, tái phạm nguy hiểm nhưng khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù. Bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nhưng khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, miễn hình phạt tiền các bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 Plus đã thu hồi trả lại người bị hại là ông A và ông A không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vario, biển kiểm soát 59M2-285.49, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại bà Nguyễn Thị Trúc M là chủ sở hữu nên không xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134, số imei: 358884075700505 thu giữ của bị cáo Đ không liên quan cần trả lại bị cáo Đ, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- 01 áo khoác tay dài màu đen, 01 áo thun màu đen và 01 quần dài màu đen thu giữ của bị cáo Đ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đ và V đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản bắt người bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp,

kết luận định giá,... nên có căn cứ để kết luận, khoảng 02 giờ 45 phút ngày 06/9/2019 bị cáo Đ đã có hành vi sử dụng mô tô chở bị cáo V giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1 Plus của ông A rồi tăng ga xe bỏ chạy và sau đấy bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đ và V đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, các bị cáo sử dụng xe mô tô chiếm đoạt tài sản là sử dụng phương tiện nguy hiểm có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4]. Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người rủ rê, đề xuất và là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật là nhân tố quyết định để tội phạm hoàn thành. Bị cáo có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật đồng thời thuộc trường hợp định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Đối với bị cáo V khi được bị cáo Đ rủ đi cướp giật tài sản thì bị cáo đồng ý ngay và tích cực tham gia vào việc phạm tội với vai trò giúp sức là người trực tiếp điều khiển xe chở bị cáo Đ thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Ngoài ra, bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt

tiền 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 Plus đã thu hồi trả lại người bị hại là ông A và ông A không có yêu cầu nào nên không xét.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vario, biển kiểm soát 59M2-285.49. Qua xác minh xe do bà Huỳnh Thu T, sinh năm: 1982, trú tại: 1134/40 Lạc Long Quân, Phường X, Quận Y, Thành phố H đứng tên giấy đăng ký xe. Bà T khai đã bán xe trên cho bà Phan Thị Hồng N, sinh năm: 1975, trú tại: 73/13 Khánh Hội, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Ngày 15/7/2019, bà N bán lại xe trên cho bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm: 1967, trú tại: 756/23 Đoàn Văn Bơ, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Bà M khai ngày 05/9/2019, bà cho bị cáo V mượn xe, không biết V sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại bà Nguyễn Thị Trúc M là chủ sở hữu nên không xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1134, số imei: 358884075700505 thu giữ của bị cáo Đ, xét không liên quan cần trả lại bị cáo Đ, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với 01 áo khoác tay dài màu đen, 01 áo thun màu đen và 01 quần dài màu đen thu giữ của bị cáo Đ, xét không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội cướp giật tài sản: Tuyên bố: Trần Văn Đ và Phạm Thành V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Văn Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2019.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Phạm Thành V 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2019.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại bị cáo Trần Văn Đ 01 (một) điện thoại di hiệu Nokia RM-1134, số imei: 358884075700505, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) áo khoác tay dài màu đen, 01 (một) áo thun màu đen và 01 (một) quần dài màu đen.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số: 191/19-PNK ngày 09/12/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Thành V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Trần Văn Đ và Phạm Thành V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp.HCM;
- Công an Quận 1, Tp.HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn